

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HSST
Ngày 30/5/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Ngô Trung Tính.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Mai Lâm Oanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/HSST ngày 17/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 28/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/HSST-QĐ ngày 15/5/2023 đối với:

Bị cáo: **Bùi Huy T**, sinh năm 2003

Nơi cư trú: **Xóm S, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1979; Con bà **Đinh Thị M**, sinh năm 1981; Vợ con: Chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: (Không).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2022 đến nay, (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh **Bạch Công H**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: **Xóm Đ, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình**, (vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Anh **Ngô Tất T1**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Khu H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, (vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Đỗ Đình C, sinh năm 1976

- Anh Bùi Phương N1, sinh năm 1991

Đều cư trú tại: Xóm B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa trong quá trình xét hỏi, tranh luận, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/12/2022, Bùi Huy T đến chơi rồi ngủ lại nhà Bạch Công H. Đến khoảng 09 giờ sáng hôm sau (19/12/2022), H điều khiển xe mô tô BKS 99T1-8798 của mình đi giải quyết công việc. Lúc này T ở lại nhà H một mình, phát hiện H để Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trong túi trên giường ngủ. Do nghiện chất ma túy, nhưng lại không có tiền để mua, nên T đã lấy trộm Giấy chứng nhận đăng ký xe vứt vào túi quần của mình. Xong công việc H về nhà, lúc này T giả vờ hỏi mượn xe mô tô của H để đi về nhà, mục đích là để cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Huân tin tưởng, đồng ý cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe đi về hướng thị trấn B, huyện K để tìm chỗ cầm cố. Trên đường đi T gặp và hỏi Bùi Phương N1 có biết chỗ cầm xe không, N1 hỏi lại “cầm xe để làm gì”, T nói dối do đang cần tiền chăm bà đi viện, N1 hỏi T xe của ai, T nói dối xe của ông anh đồng ý cho mượn đi cầm. Do tin tưởng nên N1 đồng ý và đưa T đến quán cầm đồ của anh Ngô Tất T1 ở khu T, thị trấn B, huyện K. Đến nơi anh T1 hỏi T về nguồn gốc xe, T nói dối là xe của T mua lại của người khác, chưa sang tên đổi chủ và có đưa giấy tờ xe cùng căn cước công dân (bản photo) của T cho anh T1 xem. Anh T1 tin tưởng, cho T cầm cố xe lấy số tiền 05 triệu đồng. Nhận tiền xong, T nhờ N1 chở về nhà, rồi dùng tiền cầm cố xe đi đến khu vực xóm B, xã N, huyện K gặp một người đàn ông tên là Hoàng Văn B mua 800 nghìn đồng ma túy về sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy trên, T tiếp tục bắt xe buýt từ Kim Bôi đến khu vực gốc Đa C, thuộc khu vực địa bàn thành phố H gặp một người đàn ông không rõ lai lịch mua được 02 triệu đồng ma túy.

Huân phát hiện bị mất Giấy tờ xe, đồng thời thấy lâu không thấy T đem xe về trả. Nghi ngờ T lừa đem xe đi cầm cố nên H đi tìm, nhưng không thấy. H tiếp tục đăng lên mạng xã hội Facebook kèm theo số điện thoại để tìm xe. Lúc này anh T1 đọc được bài đăng của H nên điện thoại cho H và N1 để nhắn T đến lấy xe trả lại cho H. N1 liền điện cho T, T nói số tiền cầm cố xe 05 triệu chi tiêu còn lại có 02 triệu đồng không đủ để lấy xe.

N1 không muốn mình liên quan gì đến việc cầm cố xe của T, nên đã bảo T đến nhà mình rồi nói với vợ cho T vay 03 triệu đồng để T đi lấy lại xe. Sau khi được vợ N1 cho vay tiền, N1 chở T đến quán của anh T1 trả tiền 05 triệu đồng rồi

nhận lại xe cùng giấy tờ. Trên đường đi về, mỗi người điều khiển một xe **T** nói với **N1** tiếp tục đem xe đi cầm cố lấy 03 triệu đồng để trả cho vợ **N1**; **N1** nói “chưa có thì cứ đi làm đi, lúc nào có mới trả, đem xe về trả cho người ta đi”. **T** không nói gì, phóng xe đi trước rồi rẽ vào quán **K1** chủ quán là anh **Đỗ Đình C**, tại xóm **B**, xã **N**, huyện **K** để hỏi cầm cố xe. Lúc này **N1** đi sau tới, nhìn vào thấy **T** đang ngồi trong quán nên vào xem **T** làm gì. Gặp **N1**, **T** tiếp tục nói dối “bạn em cho mượn xe thêm mấy hôm nữa, để em cầm xe ở đây gửi lại tiền cho anh luôn”. **C** đi từ trong nhà ra, **T** đặt vấn đề cầm cố xe lấy 03 triệu đồng, **C** hỏi xe của ai, **T** nói dối là xe mua lại người khác, chưa sang tên đổi chủ, **C** nói không nhận cầm cố xe, **T** nói “vậy cho vay 03 triệu đồng để xe lại làm tin, bốn hôm sau xoay được thì trả”, **C** đồng ý đưa cho **T** vay 03 triệu đồng, không tính lãi và giữ lại xe cùng giấy tờ. Vay được tiền, **T** đưa cho **N1** 03 triệu đồng để **N1** đem về đưa lại cho vợ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐG ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện **K** kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS 99T1-8798 đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 06 triệu đồng.

Cáo trạng số: 18/CT-VKSKB, ngày 17/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi truy tố **Bùi Huy T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Phản phát biểu luận tội, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nhân thân người phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nên đã giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Bùi Huy T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt **Bùi Huy T** mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Anh **Bạch Công H** đã nhận lại xe mô tô BKS 99T1-8798 của mình. Ngoài ra còn yêu cầu bị cáo **T** phải bồi thường số tiền 02 triệu đồng chi phí đi lại trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa anh **H** vắng mặt không có lý do, ngoài ra chưa cung cấp đầy đủ chứng cứ cho việc yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 và khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tách phần yêu cầu bồi thường trên để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với yêu cầu của anh **Đỗ Đình C** về số tiền 03 triệu đồng anh **C** cho **T** vay liên quan đến nội dung cầm cố xe là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử, xử cho các bị cáo mức án thấp nhất có thể để bị cáo có cơ hội khác phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại **Bạch Công H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Đỗ Đình C** và **Ngô Tất T1** đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vụ án được tiếp tục đưa ra xét xử.

[2] Về tội danh; trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Huy T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định: Do cần tiền mua ma túy để sử dụng, nên ngày 19/12/2022, **T** đã dùng lời nói gian dối để mượn được xe mô tô BKS 99T1-8798 trị giá 06 triệu đồng của anh **Bạch Công H**, sau đó đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của **T** đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo **Bùi Huy T** là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xong bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Nên cần phải xử một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả về hành vi mà bị cáo đã thực hiện để tiếp tục xử cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3]. Về tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra

và tại phiên tòa, luôn có thái độ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo tự ra đầu thú trước cơ quan Công an. Đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Anh **Bạch Công H** đã nhận lại xe mô tô BKS 99T1-8798 của mình. Ngoài ra còn yêu cầu bị cáo **T** phải bồi thường số tiền 02 triệu đồng chi phí đi lại trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa anh **H** vắng mặt không có lý do, ngoài ra chưa cung cấp đầy đủ chứng cứ cho việc yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30 và khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, tách phần yêu cầu bồi thường trên để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với yêu cầu của anh **Đỗ Đình C** về số tiền 03 triệu đồng anh **C** cho **T** vay liên quan đến nội dung cầm cố xe là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với **Bùi Phương N1** do tin tưởng vào lời nói của bị cáo **Bùi Huy T** nên đã đưa đi cầm cố xe mô tô; khi biết rõ sự việc, **N1** còn nói với vợ của mình cho **T** vay 03 triệu để lấy xe về trả cho anh **H**. Khi đã lấy được xe về, **T** tiếp tục cầm cố xe, **N1** có hỏi, **T** nói anh **H** đồng ý cho mượn thêm mấy ngày. Xét thấy, **N1** không có hành vi đồng phạm cùng **T**. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Việc bị cáo **T** đến đặt vấn đề cầm cố xe mô tô với anh **Ngô Tất T1** và anh **Đỗ Đình C** đều hỏi **T** về nguồn gốc của xe, từ đó tin tưởng vào lời nói của **T**. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng **Hoàng Văn B** là người bán ma túy cho bị cáo **T**, hiện đang bị khởi tố bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Bị cáo **Bùi Huy T** phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Huy T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt **Bùi Huy T**, 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 và khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tách phần yêu cầu phần bồi thường số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) của bị hại là anh **Bạch Công H** để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Buộc bị cáo **Bùi Huy T** phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Đỗ Đình C** số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Bùi Huy T** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/5/2023. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Công an huyện Kim Bôi;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

